CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/BHC/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 0251.3836199 Fax: 0251.3836213

E-mail: E. bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đã đủ điều kiện ATTP: cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận VN010212/1 – được cấp lần đầu ngày 24.02.2014 và nơi cấp Bureau Veritas Certification.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **SYRUP ĐƯỜNG ĐEN NỮ HOÀNG**

2. Thành phần: Đường mía (40%), đường Glucose (26%), đường Fructose (3%), màu thực phẩm nhân tạo INS(150a), hương liệu đường nâu giống tự nhiên, hương liệu bắp tổng hợp, chất bảo quản INS(201), chất điều chỉnh độ acid INS(330).

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 15 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 700 ml ; 28 lít và 2 lít .
- Chất liệu bao bì: sản phẩm đóng trong chai nhựa PET, can nhựa HDPE. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ : Việt Nam

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cở sở : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Chất lỏng, dạng sệt.
- Mùi vị: Mùi đặc trưng của sản phẩm, vị ngọt. Không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Màu nâu đen.

Chỉ tiêu chất lượng:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng đường tổng	%	≥ 65
2	Hàm lượng SO_2	Mg/kg	< 10

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 27 tháng 05 năm 2024

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Minh Nhật

P. QHSE

Phan Thị Thu

Duyệt

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Minh Nhật

Syrup

ĐƯỜNG ĐEN

BLACK SUGAR SYRUP

THÀNH PHẦN/Ingredients:
Đường mía (40%), đường Glucose (26%), đường Fructose (3%), màu thực phẩm nhân tạo (INS 150a), hương liệu đường nâu giống tự nhiên, hương liệu bắp tổng hợp, chất bảo quản (INS 201), chất điều chỉnh độ acid (INS 330).
Sugar cane (40%), Glucose (26%), Fructose (3%), artificial colorings (INS 150a), brown sugar nature-identical flavouring, corn synthetic flavoring, preservatives (INS 201), acidity regulator (INS 330).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/Usage instructions:
Sử dụng trực tiếp để pha chế đồ uống và chế biến thực phẩm hoặc các món ăn phù hợp.
Use directly to mix drinks and prepare food or suitable dishes.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN/Storage:
Bảo quản kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Store tightly sealed in a cool, dry place, away from direct sunlight.

8 935015 521597

NSX/MFG: Xem trên bao bì/See on the packaging.
HSD/EXP: Sử dụng tốt nhất 15 tháng kể từ ngày sản xuất/Best before 15 months from production date.

THÔNG TIN CẢNH BÁO/Warnings:
Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.
Do not use the product when it shows sign of damange.

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Product of:
BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward,
Bien Hoa city, Dong Nai Province, Vietnam.

Website: www.ttcagris.com.vn

XUẤT XỨ: Việt Nam/Made in Vietnam

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

HOTLINE 1800 599 900

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN / A MEMBER OF

TTC AgriS

LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

Est. 1969
Bien Hoa pro

Syrup

ĐƯỜNG ĐEN

BLACK SUGAR SYRUP

Nữ Hoàng

THỂ TÍCH THỰC 700 ml
(Tương đương 960g)*

110 mm

80 mm

Est. 1969
Bien Hoa pro

Syrup
ĐƯỜNG ĐEN
BLACK SUGAR SYRUP



THÀNH PHẦN/Ingredients:
Đường mía (40%), đường Glucose (26%), đường Fructose (3%), màu thực phẩm nhân tạo (INS 150a), hương liệu đường nâu giống tự nhiên, hương liệu bắp tổng hợp, chất bảo quản (INS 201), chất điều chỉnh độ acid (INS 330).
Sugar cane (40%), Glucose (26%), Fructose (3%), artificial colorings (INS 150a), brown sugar nature-identical flavouring, corn synthetic flavoring, preservatives (INS 201), acidity regulator (INS 330).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/Usage instructions:
Sử dụng trực tiếp để pha chế đồ uống và chế biến thực phẩm hoặc các món ăn phù hợp.
Use directly to mix drinks and prepare food or suitable dishes.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN/Storage:
Bảo quản kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Store tightly sealed in a cool, dry place, away from direct sunlight.

THÔNG TIN CẢNH BÁO/Warnings:
Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng
Do not use the product when it shows sign of damange.

NSX/MFG: Xem trên bao bì/ See on the packaging

HSD/EXP: Sử dụng tốt nhất 15 tháng kể từ ngày sản xuất/Best before 15 months from production date.

Xuất xứ: Việt Nam/Made in Vietnam **Website:** www.ttcagris.com.vn

HOTLINE 1800 599 900

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN / A MEMBER OF

TTC AgriS

LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

8 935015 521634

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Product of:
BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa city, Dong Nai Province, Vietnam.

THỂ TÍCH THỰC 28 lít
(Tương đương 38,6 kg)

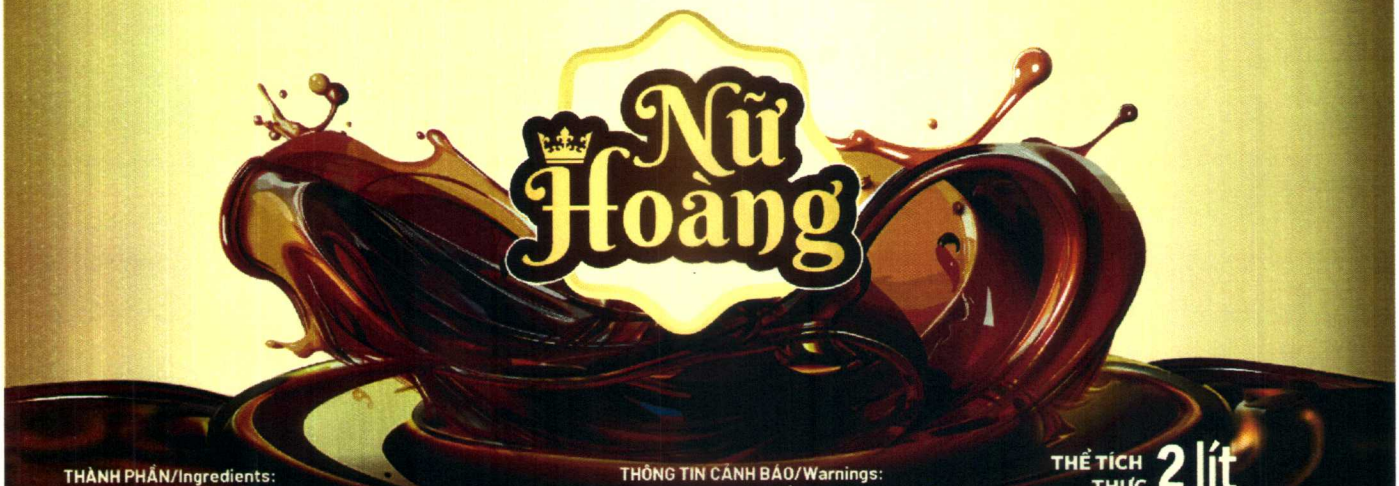
Phan Thị Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
M.S.D.N: 3600495818 C.T.C.P
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Minh Nhật

Est. 1969
Bien Hoa pro

Syrup
ĐƯỜNG ĐEN
BLACK SUGAR SYRUP



THÀNH PHẦN/Ingredients:
Đường mía (40%), đường Glucose (26%), đường Fructose (3%), màu thực phẩm nhân tạo (INS 150a), hương liệu đường nâu giống tự nhiên, hương liệu bắp tổng hợp, chất bảo quản (INS 201), chất điều chỉnh độ acid (INS 330).
Sugar cane (40%), Glucose (26%), Fructose (3%), artificial colorings (INS 150a), brown sugar nature-identical flavouring, corn synthetic flavoring, preservatives (INS 201), acidity regulator (INS 330).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/Usage instructions:
Sử dụng trực tiếp để pha chế đồ uống và chế biến thực phẩm hoặc các món ăn phù hợp/ Use directly to mix drinks and prepare food or suitable dishes.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN/Storage:
Bảo quản kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Store tightly sealed in a cool, dry place, away from direct sunlight.

NSX/MFG: Xem trên bao bì/ See on the packaging

HSD/EXP: Sử dụng tốt nhất 15 tháng kể từ ngày sản xuất/ Best before 15 months from production date.

THÔNG TIN CẢNH BÁO/Warnings:
Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.
Do not use the product when it shows sign of damange.

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Product of:
BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward,
Bien Hoa city, Dong Nai Province, Vietnam.

Website: www.ttcagris.com.vn

XUẤT XỨ: Việt Nam/Made in Vietnam

THỂ TÍCH THỰC 2 lít
(Tương đương 2,8 kg)

8 935015 521610

HOTLINE 1800 599 900

TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN / A MEMBER OF
TTC AgriS | LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM

12.5 cm

13.6 cm

I. QHSE

Phan Thị Thu

M.S.D.N: 3600495818 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Duyệt

Phan Minh Nhật

Trang/ *Page No*: 1/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 17/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y244D0723
Mã KQ/ *RP. No*: 001017098.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : Khu công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 06/04/2024
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 06/04/2024 - 17/04/2024
5. **Thông tin mẫu**/ *Infomation of Sample* (c) : **SYRUP ĐƯỜNG ĐEN NỮ HOÀNG**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Trạng thái/ Characteristic	Dạng lỏng sánh, không có tạp chất	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
2	Màu sắc/ Colour	Sản phẩm có màu nâu đen	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
3	Mùi, vị/ Odor, taste	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ	-	-	TS-KT-HCB-164:2020
4	Đường tổng (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	82.9	%	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
5	Sulfua dioxit (SO_2) (*)/ Sulfur dioxide (SO_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	1	TS-KT-HCB-42:2020
6	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc/ Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
8	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
9	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
10	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
11	Thuỷ ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
12	2,4-D	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022
13	Dicamba	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: http://tsl-net.com.vn

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 2/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 17/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y244D0723
Mã KQ/ *RP. No*: 001017098.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
14	Glyphosate (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	05.2-CL4/ST 2.16; EURL-SRM: QuPPe - Method (LC-MS/MS)
15	Imazapic	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022
16	Isoxaflutole	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022
17	Mesotrione	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022
18	Ethoprophos	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2022
19	Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
20	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
21	Azinphos Methyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
22	Cypermethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
23	Tebufenozide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
24	Propiconazole (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
25	Chlorantraniliprole (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
26	Clothianidin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
27	Cyhalothrin (lamda + gamma) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
28	Novaluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
29	Trinexapac - Ethyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.0015	TS-KT-SK-14:2020

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

Trang/ *Page No*: 3/3
Ngày ban hành/ *Date of issue*: 17/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Y244D0723
Mã KQ/ *RP. No*: 0010117008.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.C.N:0314212615-001-C.T.T.N.H.H
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
Q.TÂN BÌNH-TP. HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*